TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **304**/2026/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Long, ngày 03 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG

Căn cứ Điều 211, 213, 363, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 430/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm: 1999;

Số CCCD: 079199023270;

Địa chỉ: 2, Phường C, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: A, khu phố M, phường A, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm: 1994;

Số CCCD: 087094019897;

Địa chỉ: 6 ấp Đ, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T và ông T1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này của bà T và ông T1 là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: có một con chung là Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 28/8/2020. Sau ly hôn giao con chung Nguyễn Thị Anh T2 cho bà Nguyễn Thị Ngọc

T trực tiếp nuôi dưỡng; Ông T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Sự thỏa thuận này của bà T và ông T1 là phù hợp với quy định tại Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 thống nhất khai không có nên không xem xét.

[4] Lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện liên đới chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và giữa sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 thuận tình ly hôn.

Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: có một con chung là Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 28/8/2020. Sau ly hôn giao con chung Nguyễn Thị Anh T2 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng; ông Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng: Tính từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật (tháng 6/2026) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: mỗi tháng một lần.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 thống nhất khai không có nên không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai số 0007886 ngày 24/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long (đã nộp xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 5 – Vĩnh Long (1b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND xã/ phường (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ (1b).

THẨM PHÁN

Võ Thị Cẩm Trang